TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 5 - 2018
"V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chọn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Dẫn**
2. Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Cẩm L** (tên gọi khác Bùi Thị L), sinh năm 1983

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh Đ** (tên gọi khác Trần Văn Đ**)**, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trần Thị Cẩm L trình bày như sau:

Chị Trần Thị Cẩm L và anh Trần Minh Đ chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và đã được UBND xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số

218/2002 cấp ngày 12/10/2002. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ thường xuyên đi nhậu với bạn bè, về nhà đánh đập vợ con và đe dọa cắt lỗ tai, cắt tay và chân chị. Chị L cũng cố gắng chịu đựng để mong anh Đ sửa đổi nhưng vẫn tính nào tật nấy, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã thật sự ly thân nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay.

Về con: Chị L và anh Đ có 02 người con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 30/10/2001 và Trần Ngọc N, sinh năm 06/10/2004, hiện các cháu đang sống với Chị L. Khi ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Về tài sản, về nợ: Vợ chồng không tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng. Ngoài ra chị L không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản tự khai ngày 23/11/2017 bị đơn anh Trần Minh Đ trình bày ý kiến như sau:

Thống nhất với ý kiến trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung, tài sản và nợ chung. Có lần anh đi nhậu về có cự cãi với chị L và anh có hăm dọa cắt lỗ tai, cắt tay và chân của chị L nhưng anh chỉ nói chứ không thực hiện, hiện tại anh Đ vẫn còn thương chị L nên xin được hàn gắn lại, không đồng ý ly hôn với chị L;

Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì các con Trần Ngọc T, sinh ngày 30/10/2001 và Trần Ngọc N, sinh năm 06/10/2004 có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Trần Ngọc T; Trần Ngọc N: Nếu cha mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là Trần Thị Cẩm L, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh tên Trần Ngọc T và Trần Ngọc N; giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị Cẩm L và sổ hộ khẩu gia đình; giấy chứng minh nhân dân tên Trần Minh Đ; bản tự khai ký tên Trần Minh Đ; biên bản xác minh đề ngày 20/3/2018.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo biên bản xác minh ngày 20/3/2018 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp K, xã Tây Yên cho thấy chị L và Anh Đ đã ly thân hơn 01 năm nay, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên đi ăn nhậu với bạn bè làm cho cuộc

sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất hòa nên vợ chồng sống ly thân và không ai còn quan tâm đến ai. Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc T và Trần Ngọc N hiện đang sống với chị L.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Chị L và anh Đ đều thống nhất về nội dung các vấn đề liên quan đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị như: Về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ.

Tuy nhiên, do anh chị đã hàn gắn mối quan hệ hôn nhân khi có mâu thuẫn nhưng không hiệu quả từ đó chị L yêu cầu xin ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý vì cho rằng còn thương chị L.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị L giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên;

Anh Đ vắng mặt nên không có ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Trần Thị Cẩm L đối với anh Trần Minh Đ là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn với anh Đ, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không lý cho nên Hội đồng

xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T số 218 quyển số 02/2002 ngày 12/10/2002 theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh Đ và chị L là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L xin được ly hôn với anh Đ, còn anh Đ thì không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận từ ngày 12/10/2002, quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ thường đi nhậu với bạn bè về đánh chị L và còn có hành vi đe dọa dùng bạo lực đối với chị L. Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Đ. Tại bản tự khai và phiên hòa giải mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn với chị L, nhưng bản thân anh Đ cũng thừa nhận trong thời gian chung sống thường đi nhậu với bạn bè và có đe dọa chị L nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và thực tế anh chị đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị L là có căn cứ theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần xem xét chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Chị L và anh Đ cùng thống nhất xác định vợ chồng có hai người con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 03/10/2001 và Trần Ngọc N, sinh ngày 06/10/2004, hiện nay đang theo sống với chị L.

Theo nguyện vọng của cháu T và cháu Nguyện khi chị L và anh Đ ly hôn thì sống với chị L, anh và chị đều thống nhất theo nguyện vọng của các cháu, chị L xác định chị hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh Đ thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do chị L là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007152 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung vụ án, với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Trần Thị Cẩm L đối với anh Trần Minh Đ là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm L (Bùi Thị L) và anh Trần Minh Đ (Trần Văn Đ);

Giấy chứng nhận kết hôn số 218 quyển số 02/2002 do UBND xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12/10/2002 hết hiệu lực kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao các cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 03/10/2001 và Trần Ngọc N, sinh ngày 06/10/2004 cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu T và cháu N;

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại

khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung của vợ chồng:

Chị L và anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007152 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị L đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã T,
huyện A, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chọn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Dẫn **Nguyễn Văn Dũng** **Trần Thị Chọn**